

Số: 455 /BVĐK-DVTTBYT
V/v mời báo giá hàng hóa

Việt Yên, ngày 23 tháng 07 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Việt Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, khí y tế năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Việt Yên

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồn Lương, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Tạ Hoài Thu –
Phó trưởng Khoa Dược- VTTBYT.

Số điện thoại: 0369.077.133; Email: bvdkvietyen@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Một trong các cách sau:

- Báo giá bản đồ: Nhận tại địa chỉ: Khoa Dược- VTTBYT, Bệnh viện đa khoa Việt Yên, Tổ dân phố Đồn Lương, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc các nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua email: bvdkvietyen@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 30 phút ngày 23 tháng 07 năm 2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 03 tháng 08 năm 2026.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 08 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa:

Giao hàng đến kho của khoa Dược-VTTBYT của Bệnh viện đa khoa Việt Yên.

3. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong vòng 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Yêu cầu khác:

- Nhà cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá đính kèm theo Công văn này.
- Thông số kỹ thuật là thông số cơ bản, nhà cung cấp có thể báo giá sản phẩm có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin BVĐK Việt Yên
- Lưu: VT, KD

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Phương

PHỤ LỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
1	Hóa chất xét nghiệm điện giải 5 thông số Na, K, Cl, Ca, pH	Được sử dụng để định lượng đa thông số cho máy phân tích điện giải đồ tự động 5 thông số Fortress Diagnostics/ Anh: Natri, Kali, ion Canxi, Clo và pH. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	ml	17.000
2	Màng điện cực	Màng điện cực dùng cho máy phân tích điện giải đồ tự động 5 thông số Fortress Diagnostics/ Anh	Chiếc	7
3	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CRP mức 1	Hóa chất sử dụng trên máy sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	ml	3
4	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CRP mức 2	Hóa chất sử dụng trên máy sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	ml	3
5	Hóa chất nội kiểm	Dùng để kiểm chuẩn máy GenI Xpert. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Bộ	4
6	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa loại đậm đặc dùng cho máy xét nghiệm huyết học MEK-9100. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	ml	150
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP)	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein. Tương thích với máy AIA-360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Test	700
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol. Tương thích với máy AIA-360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	test	600
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng hormone hoàng thể hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng hormone hoàng thể hóa. Tương thích với máy AIA-360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	test	100
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II. Tương thích với máy AIA-360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	test	400
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng testosterone	Hóa chất xét nghiệm định lượng testosterone. Tương thích với máy AIA-360. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	test	100

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
12	Fuji 9	Vật liệu có khả năng phóng thích fluoride - Độ cứng và khả năng chống mài mòn, chịu được lực nén và lực uốn tốt. - Bám dính hóa học với cấu trúc răng, độ giãn nở nhiệt tương tự răng tự nhiên	hộp	2
13	Chất thử phát hiện Streptolysin O	Phát hiện Streptolysin O trong máu	Test	100
14	Chất chuẩn dùng cho máy phân tích nước tiểu	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích nước tiểu. Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Reactif Touch plus. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Ống	13
15	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính từ $\geq 25\%$; Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	kg	300
16	Acid acetic 1%	Thành phần: Axit axetic(CH_3COOH): 1% Nước cất/ nước tinh khiết: 99%	ml	500
17	Cồn acid	Thành phần: - Ethanol: thường 70-90 % - Acid hydrochloric HCL: 0.5- 3%	ml	500
18	Cồn tuyệt đối	Thành phần: - Ethanol ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$): 99,5-100% - Nước: gần như không có (nhỏ hơn 0.5%)	ml	1.500
19	Toluen	Dạng chất lỏng, không màu, không tan trong nước, tan tốt trong các dung môi hữu cơ. Công thức: $\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_3$.	ml	500
20	Dung dịch Lugol	Dung dịch Lugol 5%	ml	500
21	Test thử ma túy 5 chân	Test thử chẩn đoán nhanh 05 chất gây nghiện: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin trong nước tiểu	Test	650
22	Test Urea H.P	Được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Test	2.600
23	Test kiểm tra tồn dư Chlorine	Que dùng để định lượng tổng nồng độ Chlorine trong nước cấp dùng chuẩn bị lọc thận. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương.	Test	400

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
24	Khí oxy y tế	Nạp trong bình 40 lít. Thành phần khí oxy $\geq 99,6\%$	Bình	550
25	Màng lọc hệ thống nước RO	Kích thước màng lõi lọc 0,5 μm . Sử dụng phù hợp cho hệ thống nước RO để chạy thận.	Cái/ Chiếc	10
26	Đê cao su	Đê cao su latex bảo vệ răng khi trám răng - Chất liệu: làm bằng vật liệu Latex - Kích thước $\geq 152 \times 152$ mm (6x6 inches) - Loại trung bình, người lớn	cái	360
27	Kim nha khoa	Chất liệu kim: thép không gỉ hoặc tương đương. Cỡ kim: 27G Chiều dài kim: ≥ 21 mm	Cái	500
28	Mũi khoan nha khoa đầu tròn nhỏ	Chất liệu thép không gỉ, dùng cho tay khoan nhanh, đường kính 0,9 mm. Vĩ 5 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Cái	300
29	Băng chun	Băng chun 3 móc; kích thước 10cm x $\geq 4,5$ m	Cuộn	200
30	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế, trong suốt, có khóa chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ ≥ 140 cm. Tiệt trùng bằng EO.	Cái	1.100
31	Sonde hậu môn các số	Ống thông hậu môn, các số - Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, không chứa DEHP, trơn bề mặt, không kích ứng, không gây khó chịu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20
32	Túi đựng máu	Túi đơn, nhựa PVC y tế mềm, chứa chất chống đông CPDA-1 hoặc tương đương, dung tích: 250ml máu toàn phần	Cái	20
33	Súng sinh thiết mô mềm bán tự động	- Súng kèm kim sinh thiết mô mềm mũi kim chất liệu bằng kim loại + Đường kính kim các cỡ: 14G đến 20G, có chiều dài kim các cỡ từ 10cm đến 25cm. + Thân kim được đánh dấu cm để xác định. - Có kim dẫn đường tương thích.	Cái	50
34	Kim chọc dò	- Đường kính kim 16G - Đường kính ngoài 1,7mm. - Chiều dài kim 133mm	Cái	10
35	Bộ Catheter dẫn lưu qua da	- Bộ bao gồm: 01 ống thông, 01 kim dẫn đường trocar, 01 kim chọc trocar, 01 bộ đuôi thẳng Pigtail. Ống thông: - Chất liệu Polyurethane, phủ ngoài lớp ái nước.	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
		- Đầu cong có dạng Pigtail, loại 1 đầu, có khóa. - Có tối thiểu 3 lỗ thoát dịch. - Đường kính từ $\leq 6\text{Fr}$ đến $\geq 16\text{Fr}$. - Chiều dài từ $\leq 200\text{mm}$ đến $\geq 350\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng		
36	Vật liệu cầm máu	Miếng cầm máu bằng gelatin tinh chất, dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7 x 5 x 1 cm - Kiểm soát nhanh mao mạch và chảy máu tĩnh mạch, thời gian cầm máu ≤ 10 phút. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn ≤ 6 tuần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương	Miếng	5
37	Đèn cực tím	Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc các tiêu chuẩn tương đương. - Nguồn điện : 220V - Kích thước : $\geq 90\text{cm}$ - Dây nguồn từ $\geq 2\text{m}$ - Máng đèn hình chữ C Inox - (Chân đế + thân inox cao 1.5m) - Công suất : $\geq 30\text{W}$ - Bóng đèn cực tím 90cm : 220V , $\geq 30\text{W} - 36\text{W}$	Cái	1
38	Khay đựng lam kính	- Chất liệu: Nhựa ABS hoặc nhựa PP hoặc tương đương, có thể tái sử dụng. - Kích thước 75,0mm x 25,0mm x (0,8-1,2)mm. - Khóa bấm/ khóa kim loại và nắp bản lề đảm bảo vận hành an toàn. - Thẻ ghi chú chống nước được gắn bên trong nắp.	Cái	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
39	Cáng đẩy chuyên dụng cấp cứu	-Xe đẩy cáng inox kèm đệm Kích thước : $\geq 1900\text{mm} \times \geq 600\text{mm} \times \geq 750\text{mm}$ Chất liệu: inox 304 hoặc chất liệu tương đương hoặc tốt hơn. Mặt cáng inox tấm dày $\geq 0,5\text{mm}$, có thể nhấc rời khỏi cáng. Phần đầu nâng hạ từ 0 đến $\geq 45^{\circ}\text{C}$. Khung chân cáng inox ống $\geq 1,8\text{mm}$; hai bên thành có thanh chắn bằng inox (có thể gấp gọn). Phụ kiện: + 01 cọc truyền dịch có móc. + Đệm bọc chống thấm nước, chịu được hóa chất tẩy rửa thông thường, chất liệu giả da hoặc tương đương. Độ dày $\geq 5\text{ cm}$. - Bộ bánh xe $\geq 120\text{ mm}$, 2 bánh có phanh.	Cái	1
40	Rọ lấy dị vật, vợt lấy dị vật	Sử dụng trong nội soi can thiệp. Chiều dài 1700mm, 2100mm, 2300mm, đường kính 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Tương thích kênh 2,8 mm (sử dụng nhiều lần)	Cái	1
41	Gắp dị vật răng chuột kết hợp với cá sấu	Kìm gắp dị vật răng chuột kết hợp với cá sấu. Sử dụng nhiều lần. Hàm cá sấu có răng chuột, vỏ cách điện, đường kính kênh làm việc $\geq 2,8\text{mm}$, chiều dài làm việc 1700mm, 2100mm, 2300mm, độ mở 6mm	Cái	2
42	Kìm sinh thiết nóng	Sử dụng một lần. Đường kính 2,3mm, độ dài làm việc 180 mm; 230mm. Tương thích với dây nội soi đường kính kênh làm việc 2,8mm	Cái	20
43	Thòng lọng cắt polyp	Thòng lọng thiết kế hình oval, tay cầm bằng nhựa. Chiều dài làm việc 2300mm, độ mở loop 10, 15, 20, 24, 30, 36mm.	Cái	10
44	Ngáng miệng	Ngáng miệng sử dụng 1 lần, các cỡ dùng cho người lớn, trẻ em, độ mở rộng phù hợp với miệng bệnh nhân kích thước 21mm x 26mm, chất liệu nhựa mềm, có dây đeo	Cái	5

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng
45	Kim tiêm cầu máu	Kim tiêm cầm máu tiêu hóa, có thể khóa và mở bằng một tay một cách dễ dàng; đường kính 22G, 25G. - Đầu kim vát 3 cạnh - Độ nhô đầu tip 5mm - Đường kính ống catheter 2.3mm, Chiều dài làm việc: 180 cm, 230cm. Tương thích với kênh làm việc 2,8mm	Cái	10
46	Clip cầm máu	Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 11 mm, 16mm xoay 2 chiều 360 độ với độ mở 135 độ; - Chiều dài các cỡ 1950mm, 2300mm - Đóng mở được nhiều lần. Gồm cả cán và clip. Tương thích với kênh làm việc 2,8mm	Cái	100
47	Ống thông niệu quản jj	Làm bằng chất liệu Polyurethane. Các cỡ, chiều dài từ 12-30 cm, đã tiệt trùng	Cái	130
48	Màng đóng gói thuốc đông y	1 cặp gồm 2 cuộn : 1 cuộn mặt trước có chữ thuốc sắc đóng túi, 1 cuộn mặt sau có ghi Hướng dẫn sử dụng. - Khối lượng ≥ 9 kg/ 1 cặp - Chiều dài ≥ 400 m - Chiều rộng ≥ 10 cm, dung tích ≥ 180 ml. - Chất liệu PET dai bền, chịu nhiệt, chịu lực, đảm bảo an toàn vệ sinh.	Cuộn	10

Tổng số: 48 khoản

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Việt Yên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị như sau:

1. Báo giá hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại (nếu có)	Thông số kỹ thuật (nếu có)	Ký, mã hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
...											
n											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))